

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH AN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 20/2024/DS-ST
Ngày 16 tháng 01 năm 2024
Tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hùng Bích; Bà Phan Thị Yến

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trương Phi – Thư ký Tòa án

Ngày 16 tháng 01 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 514/2023/TLST-DS ngày 16/11/2023 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 650/2023/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 605/2023/QĐST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Tân Thanh X, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Lô A, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. (Bà X có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Lê Thị Kim L, sinh năm 1973. Vắng mặt

Địa chỉ: Số A, H, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/11/2023 cùng lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Tân Thanh X trình bày:

Ngày 11/9/2023, bà Lê Thị Kim L có hỏi vay bà Tân Thanh X số tiền 50.000.000 đồng để xoay sở việc kinh doanh, bà L cam kết đến ngày 30/9/2023 sẽ trả lại tiền, không thỏa thuận lãi nhưng từ ngày 11/9/2023 đến ngày 30/9/2023, bà L có đóng lãi cho bà X được 2.500.000 đồng. Đến hạn trả nợ thì bà L nói gom chưa đủ tiền nên mượn thêm vài ngày nữa nhưng sau đó cố tình né tránh không trả nợ. Bà X có nhờ chính quyền địa phương hòa giải, tại Văn phòng khóm Đ, phường M, qua trao đổi thì bà L giựt lấy biên nhận nợ và tự ý ghi vào giấy nợ lãi suất 15% và hứa thời hạn trả tiền vào tháng 02/2024 nhưng không xác định được sẽ trả bao nhiêu nên bà X không đồng ý với phương thức

trả nợ của bà L. Do đó, bà X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bà L trả số tiền 50.849.000 đồng, trong đó nợ vay là 50.000.000 đồng và phần lãi suất theo quy định pháp luật là 10%/năm kể từ ngày 30/9/2023 đến ngày 01/12/2023 là 849.000 đồng và yêu cầu tính lãi cho đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm.

Bị đơn Lê Thị Kim L vắng mặt trong thời gian chuẩn bị xét xử, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và yêu cầu bị đơn phải trả số tiền vay 50.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi từ ngày vay đến ngày xét xử, đồng ý khấu trừ vào số tiền lãi đã nhận là 2.500.000 đồng; Bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa, không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Tuy nhiên, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn hợp lệ. Do đó, căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6 nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp

[2.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng các chứng cứ trong hồ sơ thể hiện: Giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận vay số tiền 50.000.000 đồng, bị đơn ký biên nhận vay ngày 11/9/2023 và cam kết trả nợ ngày 30/9/2023, không xác định lãi. Như vậy, các bên có thỏa thuận giao dịch dân sự bằng hình thức vay và cho vay tài sản theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuy nhiên, nguyên đơn cho rằng bị đơn không trả vốn theo thỏa thuận, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn về tài sản nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, điều này thể hiện bị đơn trốn tránh nghĩa vụ dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử xem xét.

[2.2] Đối với yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật 10%/năm, thời gian tính lãi từ ngày 11/9/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm. Xét thấy, tại biên nhận

vay ngày 11/9/2023, các bên không thỏa thuận lãi suất nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật là phù hợp với khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 và Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019. Như vậy, bị đơn phải trả lãi cho nguyên đơn như sau: số tiền vốn 50.000.000 đồng x 10%/năm (0,833%/tháng) x 04 tháng 5 ngày (từ ngày 11/9/2023 đến ngày 16/01/2023) = 1.735.416 đồng (làm tròn 1.735.000 đồng).

[2.3] Nguyên đơn thừa nhận bị đơn có đóng lãi được 2.500.000 đồng – 1.735.000 đồng = 765.000 đồng). Phần tiền lãi còn dư là 765.000 đồng sẽ được khấu trừ vào nợ gốc 50.000.000 đồng. Như vậy, bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 49.235.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 1 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Buộc bà Lê Thị Kim L phải có nghĩa vụ trả cho bà Tân Thanh X số tiền 49.235.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về án phí sơ thẩm

Bị đơn Lê Thị Kim L phải nộp 2.461.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn Tân Thanh X 1.271.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001087 ngày 14/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

[3] Về quyền kháng cáo

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Giải thích Điều 26 Luật Thi hành án dân sự)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tp.L;
- Chi cục THADS Tp.L;
- Phòng KTNV - TAND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Nam